

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2022/DS-ST

Ngày: 18-3-2022

V/v tranh chấp đòi tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T - TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Thùy Diễm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hồng Phong

2. Bà Nguyễn Thị Thu Tâm

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Quân –Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Kim Thoa - Kiểm sát viên.

Vào ngày 18 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 37/2021/TLST-DS ngày 05 tháng 4 năm 2021 về việc “*Tranh chấp đòi tài sản*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 88/2021/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 11 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 19/2022/QĐST-DS ngày 22 tháng 02 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* ông A, sinh năm 1977;

Địa chỉ: ấp 5 xã N huyện BL tỉnh Long An.

2. *Bị đơn:*

- Ông B, sinh năm: 1980;

Địa chỉ: số 30 khu 1 Ô1 TN thị trấn TT huyện T, tỉnh Long An.

- Bà C, sinh năm: 1985

Địa chỉ: số 437/2 ấp BC 2 xã BT huyện T tỉnh Long An.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Thúy, ông Hải:

- Ông D, sinh năm: 1992.

Địa chỉ: thôn Nam Phước xã Lộc Thủy huyện Phú Lộc tỉnh Thừa Thiên Huế

Địa chỉ liên hệ: số 11 đường số 54 khu phố 4 phường Thảo Điền, Quận 2, thành phố Hồ Chí Minh.

- Bà E, sinh năm: 1997

Địa chỉ: xã Khánh Sơn huyện Nam Đàn tỉnh Nghệ An

Địa chỉ liên hệ: số 11 đường số 54 khu phố 4 phường Thảo Điền, Quận 2, thành phố Hồ Chí Minh.

Văn bản ủy quyền được công chứng số 008333 quyền số 05/2021TP/CC-SCC/HĐGD ngày 13/5/2021 tại Văn phòng công chứng Nguyễn Thị Thu Hiền.

(ông A có mặt, ông D, bà E vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 23/3/2021, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn ông A trình bày:

Ông và bà C, ông B là chỗ quen biết. Bà C và ông B là vợ chồng.

Vào ngày 23/5/2017 ông có cho bà C, ông B vay số tiền 100.000.000 đồng, khi vay có làm giấy tay ghi “giấy mượn nợ”, thỏa thuận thời gian vay: 02 tháng, lãi suất thỏa thuận là 5%/tháng nhưng chỉ thỏa thuận miệng chứ không ghi vào giấy tay. Bà C có ký tên vào giấy tay vay tiền. Khi vay bà C không thể chấp tài sản hay giấy tờ gì cho ông.

Đến hạn trả nợ, bà C, ông B không thực hiện đúng cam kết và từ khi vay cho đến nay bà C, ông B chưa thanh toán cho ông bất kỳ khoản tiền gốc vay, lãi vay nào mặc dù ông đã nhiều lần nhắc nhở.

Ông khởi kiện yêu cầu ông B và bà B có trách nhiệm liên đới hoàn trả cho ông số tiền gốc vay 100.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 23/7/2017 đến ngày 23/3/2021 là 66.667.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 24/3/2021 cho đến khi Tòa án xét xử vụ kiện theo mức lãi suất quy định của pháp luật. Tuy nhiên tại phiên tòa ông A rút một phần yêu cầu khởi kiện, cụ thể không yêu cầu ông B, bà C trả tiền lãi đối với số tiền vay 100.000.000 đồng.

Số tiền 100.000.000 đồng ông cho bà C, ông B vay là tiền riêng của ông, không liên quan gì đến vợ ông là bà V nên đề nghị không đưa bà V vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Bị đơn ông B, bà C có người đại diện theo ủy quyền là ông D trình bày:

Ông được ông B và bà C ủy quyền tham gia tố tụng và được toàn quyền quyết định mọi vấn đề liên quan đến vụ án.

Bà C và ông B là vợ chồng, hiện hôn nhân vẫn còn tồn tại.

Bà C thừa nhận có vay của ông A số tiền 100.000.000 đồng như lời ông A trình bày, bà C có ký tên vào giấy tay, mục đích vay để kinh doanh, lãi suất thỏa thuận là 5%/tháng. Bà C có nhận đủ số tiền 100.000.000 đồng. Sau khi vay bà C có trả tiền lãi cho ông A được 2 - 3 kỳ tiền lãi, khoảng 10.000.000 – 15.000.000 đồng nhưng khi trả lãi không có làm giấy tờ cũng không ai chứng kiến.

Đến hạn trả nợ do bà C làm ăn thất bại nên không có khả năng thanh toán cho ông Tú.

Nay trước yêu cầu khởi kiện của ông A, ông đại diện cho bà C, ông B có ý kiến:

Bà C, ông B đồng ý liên đới hoàn trả cho ông A số tiền gốc vay 100.000.000 đồng nhưng do làm ăn khó khăn nên xin trả dần mỗi tháng 5.000.000 đồng.

Đối với yêu cầu tính lãi: sau khi vay bà C có trả tiền lãi cho ông A nhưng không có làm biên nhận. Thời hạn trả nợ là ngày 23/7/2017, ông A yêu cầu tính lãi từ ngày 23/7/2017 đến ngày 23/3/2021, theo quy định pháp luật thì thời hiệu khởi kiện đối với hợp đồng vay tài sản là 03 năm, tính đến ngày 23/7/2020 thì ông A không được quyền khởi kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản mà chỉ khởi kiện tranh chấp đòi tài sản. Do đó nay ông đại diện cho ông B, bà C đề nghị Tòa án áp dụng thời hiệu khởi kiện, đình chỉ yêu cầu khởi kiện đối với số tiền lãi 66.667.000 đồng, thay đổi quan hệ pháp luật thành “Tranh chấp đòi tài sản”.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng không thành nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa bà Nguyễn Kim Thoa – đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân theo pháp luật tố tụng và các đương sự trong vụ án đã chấp hành pháp luật kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ mà vẫn vắng mặt, ông D có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử xử vắng mặt bà E, ông D là phù hợp.

Về nội dung vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử thay đổi quan hệ tranh chấp là “Tranh chấp đòi tài sản”, đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông A. Buộc bà C và ông B có trách nhiệm liên đới hoàn trả cho ông A số tiền vay 100.000.000 đồng. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu tính lãi của ông A.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Ông A khởi kiện yêu cầu ông B và bà C hoàn trả số tiền vay là 100.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 23/7/2017 đến ngày 23/3/2021 là 66.667.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 24/3/2021 cho đến khi tòa án xét xử vụ kiện theo mức lãi suất quy định của pháp luật. Bà C cư trú tại số 437/2 ấp BC2 xã BT, huyện Thủ Thừa, ông B cư trú tại số 30 K1 Ô 1 đường TN thị trấn TT huyện Thủ Thừa tỉnh Long An. Căn cứ vào Điều 26, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa giải quyết theo thủ tục sơ thẩm.

Thời hạn trả nợ các bên thỏa thuận là ngày 23/7/2017. Theo quy định Điều 429 của Bộ luật Dân sự năm 2015 thì “Thời hiệu khởi kiện để yêu cầu Tòa án giải quyết

tranh chấp hợp đồng là 03 năm, kể từ ngày người có quyền yêu cầu biết hoặc phải biết quyền và lợi ích hợp pháp của mình bị xâm phạm". Căn cứ quy định nêu trên thì thời hiệu khởi kiện để yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp hợp đồng vay tài sản đã hết. Tuy nhiên, theo quy định khoản 2 Điều 155 của Bộ luật Dân sự năm 2015 thì không áp dụng thời hiệu khởi kiện trong trường hợp "yêu cầu bảo vệ quyền sở hữu, trừ trường hợp Bộ luật này, luật khác có liên quan quy định khác".

Đối với yêu cầu tính lãi từ ngày 23/7/2017 đến ngày 23/3/2021 với số tiền 66.667.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 24/3/2021 cho đến khi Tòa án xét xử vụ kiện theo mức lãi suất quy định của pháp luật. Căn cứ vào Điều 429, Điều 155 BLDS năm 2015 và Theo quy định tại khoản 2 Điều 184 BLTTDS 2015: *"Tòa án chỉ áp dụng quy định về thời hiệu theo yêu cầu áp dụng thời hiệu của một bên hoặc các bên với điều kiện yêu cầu này phải được đưa ra trước khi Tòa án cấp sơ thẩm ra bản án, quyết định giải quyết vụ việc. Người được hưởng lợi từ việc áp dụng thời hiệu có quyền từ chối áp dụng thời hiệu, trừ trường hợp việc từ chối đó nhằm mục đích trốn tránh thực hiện nghĩa vụ".* Ông D có Đơn yêu cầu áp dụng thời hiệu trước khi Tòa án ra bản án. Đối với yêu cầu thanh toán khoản tiền gốc thì không áp dụng thời hiệu khởi kiện, Tòa án thụ lý giải quyết theo thủ tục chung. Đối với yêu cầu thanh toán khoản tiền lãi thì Tòa án không giải quyết vì đã hết thời hiệu khởi kiện. Do đó, ông A có quyền khởi kiện yêu cầu đòi lại tài sản là nợ gốc 100.000.000 đồng đã cho ông B, bà C vay.

Trước đây trong đơn khởi kiện ông Tú yêu cầu hoàn trả số tiền lãi tính từ ngày 23/7/2017 đến ngày 23/3/2021 là 66.667.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 24/3/2021 cho đến khi Tòa án xét xử vụ kiện theo mức lãi suất quy định của pháp luật nhưng tại phiên tòa ông A rút lại yêu cầu này, việc rút lại yêu cầu này của ông A là tự nguyện. Căn cứ quy định tại Khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử phần yêu cầu khởi kiện của ông A liên quan đến khoản tiền lãi.

Căn cứ theo yêu cầu của các đương sự xác định quan hệ pháp luật *"Tranh chấp đòi tài sản"*.

Bà V là vợ ông A trình bày số tiền ông A đang khởi kiện bà C, ông B là tiền riêng của ông A, trong vụ án này bà không có yêu cầu gì nên không cần thiết phải đưa bà V vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Tại phiên tòa vắng mặt người đại diện theo ủy quyền của ông B, bà C là bà E nhưng xét thấy tại Văn bản ủy quyền được công chứng số 008333 quyền số 05/2021TP/CC-SCC/HĐGD ngày 13/5/2021 tại Văn phòng công chứng Nguyễn Thị Thu Hiền thì ông Nam hoặc bà E vắng mặt thì người còn lại được toàn quyền thay mặt và nhân danh thực hiện công việc ủy quyền. Mặc khác bà E đã được tổng đạt hợp lệ về thời gian xét xử sơ thẩm nhưng vẫn vắng mặt. Ông D có đơn đề nghị vắng mặt. Do đó Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt đối với ông D, bà E là phù hợp với Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung tranh chấp:

Ông A khởi kiện yêu cầu ông B và bà C có trách nhiệm liên đới hoàn trả số tiền vay 100.000.000 đồng. Xét lời trình bày và yêu cầu của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

Trong các Biên bản hòa giải ông D thừa nhận bà C và ông B có vay và còn nợ 100.000.000 đồng của ông A theo giấy mượn nợ ngày 23/5/2017.

Trong quá trình hòa giải ông Nam là người đại diện cho ông B, bà C trình bày ông B, bà C đồng ý hoàn trả số tiền này cho ông A. Ông B, bà C xin trả dần mỗi tháng 5.000.000 đồng cho đến khi hết số nợ vì hiện hoàn cảnh khó khăn. Đề nghị xin trả dần của ông B, bà C không được ông A đồng ý và pháp luật cũng không quy định. Căn cứ vào Điều 466, 470 Bộ luật dân sự năm 2015, Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 buộc bà C và ông B có trách nhiệm liên đới hoàn trả cho ông A số tiền 100.000.000 đồng.

[3] Án phí dân sự sơ thẩm: Ông B và bà C phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 146 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về lệ phí, án phí Tòa án.

Hoàn trả cho ông A số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 184, Điều 227, Điều 228, Điều 244, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 155, Điều 429, Điều 463, Điều 466, Điều 470, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình 2014; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về lệ phí, án phí tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông A về việc “Tranh chấp đòi tài sản” đối với bà C và ông B.

Buộc bà C và ông B có nghĩa vụ liên đới hoàn trả cho ông A số tiền 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong khoản tiền trong vụ án này, hàng tháng bà C và ông B còn chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của ông A đối với bà Cy và ông B về việc yêu cầu trả tiền lãi 66.667.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 24/3/2021 cho đến khi Tòa án xét xử vụ kiện theo mức lãi suất quy định của pháp luật trên số tiền gốc vay 100.000.000 đồng.

Về án phí dân sự sơ thẩm: buộc bà C và ông B phải liên đới nộp 5.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho ông A 4.167.000 đồng tiền tạm ứng án phí sơ thẩm theo biên lai thu số 0007762 ngày 05/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T.

Án xử sơ thẩm công khai, đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày Tòa án niêm yết bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An,
- VKSND huyện T,
- Chi cục THA huyện T,
- Các đương sự,
- Lưu HS,
- Lưu án văn.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ tọa phiên toà

Ngô Thị Thùy Diễm